TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-12-2023
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Dương Thị Kim Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 381/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Khu dân cư P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1976; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Đình C trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống cùng nhau tại nhà đất của bố mẹ vợ ở xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Khoảng năm 2017, bà L đi xuất khẩu lao động tại R.

Năm 2020, bà L về Việt Nam ở được khoảng một tháng thì lại tiếp tục sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu, bà L vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Nhưng từ đầu năm 2021 đến nay, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà L không gọi điện về cho ông nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông nghi ngờ bà L có tình cảm với người khác, không còn chung thủy với ông. Cũng từ thời gian này, ông chuyển về sinh sống cùng mẹ đẻ ở khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 10/02/2013, hiện đang ở cùng ông. Do ông tuổi đã cao, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên khi ly hôn, ông và bà L thỏa thuận giao cháu P cho bà L nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, bà L không yêu cầu ông phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông không có nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do ông C không cung cấp được địa chỉ của bà L ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bà L. Bà Hoàng Thị B (là mẹ đẻ bà L) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của bà L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên bà L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho bà L biết. Quan điểm của bà L là do vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nhau từ lâu nên ông C có đơn xin ly hôn, bà L đồng ý. Về con chung: Bà L và ông C có 01 con chung như ông C trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, bà L có nguyện vọng được nuôi con chung là Lê Hoàng P. Bà L tự nguyện không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không đề nghị Tòa án giải quyết. Do hiện nay bà L đang ở nước ngoài nên bà L đề nghị Tòa án tạm giao cháu P cho bà nuôi dưỡng, bà đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Đình C ly hôn bà Hoàng Thị L. Về con chung: Giao con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 10/02/2013 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm giao cháu P cho bà Hoàng Thị B nuôi dưỡng cho đến

khi bà L về Việt Nam. Về án phí: Ông C được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Hoàng Thị L hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà L ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình bà L đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của bà L ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Hoàng Thị B là mẹ đẻ của bà L để bà B thông tin lại cho bà L biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa ông C và bà L. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình C và bà Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/6/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông C và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông C trình bày là do ông nghi ngờ trong thời gian ở Đài Loan, bà L có tình cảm với người khác, không còn chung thủy với ông. Từ năm 2021 đến nay, ông và bà L không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay ông C và bà L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông C có đơn xin ly hôn, bà L đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C và bà L đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông C được ly hôn bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Lê Đình C và bà Hoàng Thị L có 01 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 10/02/2013, hiện đang ở cùng ông C. Khi ly hôn, ông C và bà L đều có quan điểm giao cháu P cho bà L nuôi dưỡng. Do bà L đang ở nước ngoài nên ủy quyền cho bà Hoàng Thị B (là mẹ đẻ) thay bà chăm sóc cháu P cho đến khi bà về Việt Nam. Bà B đồng ý nhận ủy quyền của bà L. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của ông C và bà L về việc nuôi con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình C về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Đình C ly hôn bà Hoàng Thị L.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho bà Hoàng Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 10/02/2013 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu P cho bà Hoàng Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Lê Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Ông Lê Đình C được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đình C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Hoàng Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm

yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất